TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** Số: 62/2021/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân Phước, ngày 10 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận phân chia tải sản"* của:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Mai Phương D**, sinh năm 1989*;*

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, Tiền Giang.

2. Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: KP 1, thị trấn M, huyện T, Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, Tòa án xác định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự tìm hiểu, quen biết rồi đi đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 06 tháng 01 năm 2012.

Quá trình sống chung anh D và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm, lối sống, từ lâu cả hai đã không còn quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2021, anh D và chị H có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận chia tài sản chung cho anh, chị. Sau khi Tòa án thụ lý đơn đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh, chị nhưng đoàn tụ không thành. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2].*Về con chung:* Quá trình sống chung, anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H có một con chung là cháu Mai Nguyễn Gia B, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2012 hiện đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, anh D và chị H thống nhất giao cháu Mai Nguyễn Gia B, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Mai Phương D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Mai Nguyễn Gia B. Anh Mai Phương D có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các bên nên được ghi nhận.

[3]. *Về tài sản chung:* Anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự thỏa thuận và thống nhất yêu cầu Tòa án ghi nhận việc tự nguyện phân chia tài sản chung, cụ thể như sau:

[3.1]. Chia cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,0m^2 và nhà ở trên đất nhà cấp 3, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 85,0m^2, diện tích sàn 85,0m^2 tại KP 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận số CS00239 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H.

[3.2]. Chia cho anh Mai Phương D được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất 432, tờ bản đồ 29, diện tích 99,7 m^2 và căn nhà trên đất thuộc loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 79,7m^2, diện tích sàn 160,2m^2, nhà cấp 3 tọa lạc tại KP 5, Phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08452 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 03/3/2021 cho ông Mai Phương D.

[3.3]. Chia cho anh Mai Phương D được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 548, tờ bản đồ PMC1, diện tích 322,7m^2 (gồm 150,0m^2 đất ở nông thôn và 172,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), đất tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 29/10/2018 cho ông Mai Phương D.

[3.4]. Anh Mai Phương D tự nguyện hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* là giá trị chênh lệch giữa các khối tài sản chung

mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Việc trả tiền được thực hiện ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Mai Phương D chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán.

Xét thấy, việc thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận của anh, chị là phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các bên nên được ghi nhận.

[4]. Về nợ chung: Anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H không có nợ chung.

[5]. Sau khi nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D và chị H, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án và đã tiến hành hòa giải để anh, chị đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 02 tháng 6 năm 2021 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, phân chia tài sản chung đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[7]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Giao 01 con chung giữa anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H là cháu Mai Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/3/2012 (hiện đang sống cùng chị H) cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Mai Phương D có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Phương D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Mai Nguyễn Gia B do chị Nguyễn Thị Ngọc H chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa anh Mai Phương D và chị Nguyễn Thị Ngọc H, cụ thể như sau:

- Chia cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền sở hữu thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,0m^2 và nhà ở trên đất nhà cấp 3, loại nhà ở riêng lẻ,

diện tích xây dựng 85,0m^2, diện tích sàn 85,0m^2 tại KP 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận số CS00239 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H *(có "Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" kèm theo)*.

- Chia cho anh Mai Phương D được quyền sở hữu thửa đất 432, tờ bản đồ 29, diện tích 99,7 m^2 và căn nhà trên đất thuộc loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 79,7m^2, diện tích sàn 160,2m^2, nhà cấp 3 tọa lạc tại KP 5, Phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08452 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 03/3/2021 cho anh Mai Phương D. *(có "Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" kèm theo)*.

- Chia cho anh Mai Phương D được quyền sở hữu thửa đất số 548, tờ bản đồ PMC1, diện tích 322,7m^2 (gồm 150,0m^2 đất ở nông thôn và 172,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác), đất tọa lạc tại Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 29/10/2018 cho ông Mai Phương D. *(có "Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" kèm theo)*.

- Anh Mai Phương D tự nguyện hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* là giá trị chênh lệch giữa các khối tài sản chung mà anh, chị tự thỏa thuận phân chia. Việc trả tiền được thực hiện ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Mai Phương D chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Mai Phương D tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh D, chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 21054 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh D, chị H đã hoàn thành nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
+ Anh Mai Phương D;
+ Chị Nguyễn Thị Ngọc H;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã P1;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thạch Hải Âu

SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TRANH CHẤP

Nguyên đơn: Lương Văn Bế sinh năm 1970
Bị đơn: Lê Thị Mến sinh năm 1975
Cùng địa chỉ: Ấp Tân Vinh, xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.